

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

Số: 14/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ba Tơ, ngày 19 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025; nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của HĐND huyện về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án 1, dự án 2, dự án 4, dự án 5, dự án 10 thuộc Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét ban hành Nghị quyết kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ (gọi tắt là *Chương trình*), cụ thể như sau:

1. Về nguyên tắc phân bổ

- Đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ ngành, các văn bản pháp luật liên quan và các hướng dẫn của Trung ương và địa phương về xây dựng và phân bổ vốn đầu tư công năm 2024.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được phân bổ để thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần và danh mục dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND huyện phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí vốn cho công trình chuyển tiếp theo khối lượng dự kiến, số vốn còn lại để bố trí khởi công mới các công trình có nhu cầu cấp thiết tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2. Nguồn vốn phân bổ: Tổng kế hoạch là **74.663** triệu đồng (*trong đó, ngân sách Trung ương: 67.966 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 6.697 triệu đồng*), cụ thể:

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, số tiền là 6.427 triệu đồng (*Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: 5.848 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh: 579 triệu đồng*) để bố trí công trình khởi công mới năm 2024.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, số tiền là 7.839 triệu đồng (*Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: 7.126 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh: 713 triệu đồng*), gồm:

- Bố trí công trình chuyển tiếp sang năm 2024: 4.060 triệu đồng.
- Kinh phí chưa phân bổ, trình phân bổ khi đủ điều kiện đầu tư: 3.779 triệu đồng.

2.3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc, tiểu dự án 1, số tiền là 47.901 triệu đồng (*Trong đó: Ngân sách Trung ương: 43.560 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 4.341 triệu đồng*), gồm:

- Bố trí trả nợ công trình hoàn thành năm 2023: 10.756 triệu đồng.
- Bố trí công trình chuyển tiếp năm 2023 sang: 15.228 triệu đồng.
- Bố trí công trình khởi công mới năm 2024: 21.917 triệu đồng.

2.4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, số tiền là 4.702 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách Trung ương là 4.275 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 427 triệu đồng), gồm:

- Bố trí công trình chuyển tiếp năm 2023 sang: 3.249 triệu đồng.
- Bố trí công trình khởi công mới năm 2024: 1.453 triệu đồng.

2.5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, số tiền là 1.510 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.373 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 137 triệu đồng), gồm:

- Bố trí công trình hoàn thành năm 2023 sang: 848 triệu đồng.
- Bố trí công trình khởi công mới năm 2024: 662 triệu đồng.

2.6. Tiểu dự án 2, dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền là 6.284 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách Trung ương: 5.784 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 500 triệu đồng)

Chưa phân bổ chi tiết, để lại dự phòng khi phân bổ sung danh mục trung hạn sẽ bố trí. Hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông về xác định danh mục thực hiện đầu tư.

(Chi tiết theo phụ lục và dự thảo Nghị quyết đính kèm)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị./.

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện;
- CT các PCT UBND huyện;
- Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Phòng: Dân tộc, TC-KH;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Xuân Vinh



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 19/02/2024 của UBND huyện Ba To)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh		NS huyện	NSTW		NS tỉnh	NS huyện			
TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E+F)						230.620	200.820	29.800	226.461	197.200	19.499	9.762	100.249	90.785	9.420	44	74.663	67.966	6.697	
A	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					11.271	9.778	1.493	11.271	9.778	988	505	990	858	88	44	6.427	5.848	579	-
I	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2022																			
II	Công trình chuyển tiếp sang năm 2023																			
III	Công trình khởi công mới năm 2024					11.271	9.778	1.493	11.271	9.778	988	505	990	858	88	44	6.427	5.848	579	-
III.1	Hỗ trợ nhà ở					11.271	9.778	1.493	11.271	9.778	988	505	990	858	88	44	6.427	5.848	579	-
1	Hỗ trợ nhà ở (04 hộ)	UBND xã Ba Liên	12 hộ	Xã Ba Liên	2024-2025	537	468	69	537	468	46	23	360	312	32	16	170	156	14	
2	Hỗ trợ nhà ở (10 hộ)	UBND thị trấn Ba To	12 hộ	Thị trấn Ba To	2024-2025	537	468	69	537	468	46	23	90	78	8	4	428	390	38	
3	Hỗ trợ nhà ở (42 hộ)	UBND xã Ba Điền	50 hộ	Xã Ba Điền	2024-2025	2.242	1.950	292	2.242	1.950	195	97	360	312	32	16	1.801	1.638	163	
4	Hỗ trợ nhà ở (07 hộ)	UBND xã Ba Bích	20 hộ	xã Ba Bích	2024-2025	897	780	117	897	780	78	39	135	117	12	6	301	273	28	
5	Hỗ trợ nhà ở (30 hộ)	UBND xã Ba Tô	54 hộ	xã Ba Tô	2024-2025	2.353	2.017	336	2.353	2.017	215	121	-	-	-	-	1.290	1.170	120	
6	Hỗ trợ nhà ở (29 hộ)	UBND xã Ba Đình	29 hộ	xã Ba Đình	2024-2025	1.300	1.131	169	1.300	1.131	113	56	-	-	-	-	1.244	1.131	113	
7	Hỗ trợ nhà ở (07 hộ)	UBND xã Ba Giang	7 hộ	xã Ba Giang	2024-2025	313	273	40	313	273	27	13	-	-	-	-	301	273	28	
8	Hỗ trợ nhà ở (13 hộ)	UBND xã Ba Ngạc	27 hộ	xã Ba Ngạc	2024-2025	1.210	1.053	157	1.210	1.053	105	52	45	39	4	2	505	466	39	
9	Hỗ trợ nhà ở (09 hộ)	UBND xã Ba Nam	42 hộ	xã Ba Nam	2024-2025	1.882	1.638	244	1.882	1.638	163	81	-	-	-	-	387	351	36	
III.2	Hỗ trợ đất ở					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	-
III.3	Hỗ trợ đất sản xuất					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	-
B	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					19.498	16.955	2.543	18.756	16.309	1.631	816	13.115	11.923	1.192	-	7.839	7.126	713	-
I	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2022																			
II	Công trình chuyển tiếp sang năm 2024					19.498	16.955	2.543	18.756	16.309	1.631	816	13.115	11.923	1.192	-	4.060	4.026	34	-
1	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	26 hộ	xã Ba Tô	2022-2024	12.431	10.809	1.622	11.689	10.163	1.017	509	10.638	10.163	475	-	34	0	34	
2	Khu tái định cư tập trung tổ 4 thôn Nước Lãng xã Ba Xa	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	25 hộ	xã Ba Xa	2023-2025	7.067	6.146	921	7.067	6.146	614	307	2.477	1.760	717	-	4.026	4.026	0	
III	Công trình khởi công mới năm 2024					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.779	3.100	679	-
1	Chưa phân bổ, trình phân bổ khi đủ điều kiện					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.779	3.100	679	-

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện			
C	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					167.126	145.329	21.797	164.114	142.708	14.271	7.135	75.175	68.329	6.846	-	47.901	43.560	4.341
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN					167.126	145.329	21.797	164.114	142.708	14.271	7.135	75.175	68.329	6.846	-	47.901	43.560	4.341
I	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2022-2023					84.102	73.132	10.970	81.090	70.511	7.957	3.522	65.302	59.437	5.865	-	10.756	9.715	1.041
1	Trường TH&THCS Ba Vinh; hạng mục khối phòng học tập	BQL DA&TXD&PTQ Đ	06 phòng: Âm nhạc, mỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ	xã Ba Vinh	2022-2023	3.912	3.400	512	3.824	3.323	333	166	3.091	2.811	280	498	452	46	
2	Trường Mầm non Ba Thành, hạng mục: 02 phòng học	BQL DA&TXD&PTQ Đ	02 phòng học	xã Ba Thành	2022-2023	1.552	1.350	202	1.548	1.346	135	67	1.275	1.165	110	196	172	24	
3	Đường BTXM thôn Bùi Hui (thảo nguyên Bùi Hui)	BQL DA&TXD&PTQ Đ	7,5km	xã Ba Trang	2022-2023	11.186	9.727	1.459	9.605	8.352	836	417	8.443	7.677	766	719	652	67	
4	Nâng cấp tuyến đường UBND xã đi Nước Giáp	BQL DA&TXD&PTQ Đ	5,5km	xã Ba Khâm	2022-2023	10.166	8.840	1.326	10.134	8.812	882	440	7.905	7.186	719	1.401	1.282	119	
5	Trường TH&THCS Ba Liên; hạng mục: 04 phòng học	BQL DA&TXD&PTQ Đ	04 phòng (02 phòng học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng tin học); công trình phụ trợ	xã Ba Liên	2022-2023	2.444	2.125	319	2.434	2.116	213	105	1.945	1.767	178	349	318	31	
6	Trường Mầm non Ba Điền, hạng mục: 01 phòng học, tường rào, cổng ngõ, sân vườn, nhà vệ sinh	BQL DA&TXD&PTQ Đ	01 phòng học, tường rào, cổng ngõ, sân vườn, nhà vệ sinh	xã Ba Điền	2022-2023	2.371	2.062	309	2.364	2.055	206	103	1.939	1.759	180	307	283	24	
7	Nhà văn hóa thôn Làng Tương	UBND xã Ba Điền	Nhà cấp III, đảm bảo >100 chỗ ngồi	xã Ba Điền	2022-2023	1.380	1.200	180	1.380	1.200	120	60	1.232	1.120	112	85	77	8	
8	Trường TH&THCS Ba Nam; hạng mục: 08 phòng học	BQL DA&TXD&PTQ Đ	08 phòng; công trình phụ trợ	xã Ba Nam	2022-2023	4.807	4.180	627	4.512	3.923	393	196	3.270	2.972	298	1.000	910	90	
9	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn Nhà văn hóa thôn Vả Lẻ, Đông Lầu	UBND xã Ba Lẻ	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn	xã Ba Lẻ	2022-2023	1.116	970	146	1.116	970	97	49	996	906	90	64	60	4	
10	Trường TH&THCS Ba Bích; hạng mục: 08 phòng học	BQL DA&TXD&PTQ Đ	08 phòng; công trình phụ trợ	xã Ba Bích	2022-2023	5.510	4.792	718	5.101	4.436	444	221	4.169	3.790	379	613	557	56	
11	Cầu BTCT Làng Chai	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Cầu BTCT gồm 03 nhịp dài khoảng 45m	xã Ba Tô	2022-2023	6.968	6.059	909	6.968	6.059	606	303	5.609	5.099	510	877	798	79	



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023				Kế hoạch vốn năm 2024			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện				
																		NSDP	NSDP	NSDP
22	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	UBND xã Ba Thành	500m	xã Ba Thành	2024-2025	920	800	120	920	800	80	40					396	360	36	
23	BTXM tuyến đường trường Tiểu học đến nhà bà tám Thu	UBND xã Ba Thành	L=0,7km	xã Ba Thành	2024-2025	1.272	1.105	167	1.272	1.105	111	56					546	497	49	
24	BTXM tuyến đường nhà ông Bón đến dốc Quýt	UBND xã Ba Thành	800m	xã Ba Thành	2024-2025	1.491	1.296	195	1.491	1.296	129	66					641	583	58	
25	Nối tiếp KCH kênh ruộng Y Nâu	UBND xã Ba Thành	320m	xã Ba Thành	2024-2025	618	539	79	618	539	54	25					266	242	24	
26	Nối tiếp BTXM trường Mầm non Hồ Sáu - Gò Róc	UBND xã Ba Khâm	0,7km	xã Ba Khâm	2024-2025	1.137	989	148	1.137	989	99	49					489	445	44	
27	Nhà văn hóa thôn Đồng Vào	UBND xã Ba Bích	Tối thiểu 100 chỗ ngồi	xã Ba Bích	2024-2025	1.564	1.360	204	1.564	1.360	136	68					673	612	61	
28	Tường rào, cổng ngõ Nhà văn hóa thôn Nước Đàng, Con Rã	UBND xã Ba Bích	Tường rào, cổng ngõ	xã Ba Bích	2024-2025	568	494	74	568	494	49	25					244	222	22	
29	Đập và kênh Nước Bum thôn Nước Đàng	UBND xã Ba Bích	Đập và kênh	xã Ba Bích	2024-2025	1.307	1.136	171	1.307	1.136	114	57					562	511	51	
D	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					20.869	18.146	2.723	20.464	17.793	1.781	890	9.338	8.192	1.146	-	4.702	4.275	427	
I	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2023																			
II	Công trình chuyển tiếp sang năm 2024					13.566	11.796	1.770	13.161	11.443	1.146	572	9.338	8.192	1.146	-	3.249	3.136	113	
1	Trường PTDT nội trú THCS Ba Tơ; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ	BQL DA&TXD&PTQ Đ	04 phòng ở nội trú, 01 nhà ăn, bếp; 04 phòng học và hỗ trợ học tập	TT Ba Tơ	2022-2023	6.091	5.296	795	6.087	5.292	530	265	4.198	3.787	411		1.566	1.453	113	
2	Trường PTDT bán trú TH&THCS Ba Trang; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ	BQL DA&TXD&PTQ Đ	04 phòng ở bán trú, 01 nhà ăn, bếp; 06 phòng học và hỗ trợ học tập; 02 nhà vệ sinh	Xã Ba Trang	2022-2023	7.475	6.500	975	7.074	6.151	616	307	5.140	4.405	735		1.683	1.683		
III	Công trình khởi công mới năm 2024					7.303	6.350	953	7.303	6.350	635	318	-	-	-		1.453	1.139	314	
1	Trường PTDT bán trú THCS Ba Xa; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ	BQL DA&TXD&PTQ Đ	5 phòng ở bán trú, 01 nhà ăn, bếp; 06 phòng học và hỗ trợ học tập; 02 nhà vệ sinh	Xã Ba Xa	2024-2025	7.303	6.350	953	7.303	6.350	635	318	-	-	-		1.453	1.139	314	
E	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					3.770	3.277	493	3.770	3.277	328	165	1.631	1.483	148	-	1.510	1.373	137	
I	Trả nợ công trình hoàn thành năm 2023					2.970	2.582	388	2.970	2.582	258	130	1.631	1.483	148	-	848	771	77	
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tại các thôn thuộc vùng ĐBDTTS huyện Ba Tơ	Phòng VH&TT	13 thôn	13 thôn thuộc vùng ĐBDTTS trên địa bàn huyện	2022-2024	2.970	2.582	388	2.970	2.582	258	130	1.631	1.483	148		848	771	77	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023				Kế hoạch vốn năm 2024			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện
II	Công trình chuyển tiếp sang năm 2024																			
III	Công trình khởi công mới năm 2024					860	695	105	800	695	70	35	-	-	-	-	662	602	60	
	Hỗ trợ đầu tư diêm đến du lịch tiêu biểu làng Bùi Hui (Thảo nguyên Bùi Hui)	Phòng KT&HT	Giải quyết nhà vệ sinh lưu động, lập đất bán chỉ dẫn, xây dựng trang thông tin	Xã Ba Trang	2024-2025	800	695	105	800	695	70	35	-	-	-	-	662	602	60	
F	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					8.086	7.335	751	8.086	7.335	500	251	-	-	-	-	6.284	5.784	500	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chưa phân bổ)					8.086	7.335	751	8.086	7.335	500	251	-	-	-	-	6.284	5.784	500	

TT	Đanh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện
8	Trường Mầm non Ba Lê	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	03 phòng học và công trình phụ trợ	xã Ba Lê	2023-2024	3.680	3.200	480	3.680	3.200	320	160	1.161	1.056	105	1.726	1.568	158		
IV	Công trình khởi công mới năm 2024					51.815	45.055	6.760	51.815	45.055	4.506	2.254	-	-	-	21.917	19.865	2.052	-	
1	BTXM đường từ nhà ông Thôn đến nhà ông Lâu	UBND TT Ba Tơ	319m	TT Ba Tơ	2023-2025	587	510	77	587	510	51	26	-	-	-	251	229	22		
2	KCH kênh dòng Mang Tinh	UBND TT Ba Tơ	300m	TT Ba Tơ	2023-2025	488	425	63	488	425	42	21	-	-	-	209	191	18		
3	Nối tiếp BTXM đường đi Thác Lê Tinh	UBND TT Ba Tơ	835m	TT Ba Tơ	2024-2025	1.537	1.334	203	1.537	1.334	134	69	-	-	-	660	600	60		
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn Ba Tơ - Ba Đình	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	4,2km	TT Ba Tơ	2024-2025	7.728	6.722	1.006	7.728	6.722	672	334	-	-	-	3.026	2.724	302		
5	Nâng cấp tuyến đường Mang Krá - Gò Re	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	4,5km	xã Ba Xa	2024-2025	6.876	5.979	897	6.876	5.979	598	299	-	-	-	2.897	2.590	307		
6	BTXM đi xóm Ông Bin thôn Lang Tốt	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	1,5km	xã Ba Lê	2024-2025	2.300	2.000	300	2.300	2.000	200	100	-	-	-	990	900	90		
7	Xây dựng đường bê tông nhà Ông Lúi đi trường Mầm Non	BQL DAĐT XD & PTQ Đ	1,5km	xã Ba Lê	2024-2025	2.300	2.000	300	2.300	2.000	200	100	-	-	-	990	900	90		
8	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Làng Vờ	UBND xã Ba Nam	0,7km	xã Ba Nam	2024-2025	1.341	1.166	175	1.341	1.166	117	58	-	-	-	576	524	52		
9	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Mang Tương	UBND xã Ba Nam	1,5km	xã Ba Nam	2024-2025	2.639	2.295	344	2.639	2.295	229	115	-	-	-	1.135	1.032	103		
10	Nhà văn hóa thôn Ba Nhè	UBND xã Ba Giang	Tối thiểu 100 chỗ ngồi	xã Ba Giang	2024-2025	1.495	1.300	195	1.495	1.300	130	65	-	-	-	643	585	58		
11	Nối tiếp BTXM Nước Lô - Gò Khôn	UBND xã Ba Giang	0,9km	xã Ba Giang	2024-2025	1.103	959	144	1.103	959	96	48	-	-	-	474	431	43		
12	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa đi cánh đồng Đồng Nghệ	UBND xã Ba Liên	248m	xã Ba Liên	2024-2025	456	396	60	456	396	39	21	-	-	-	195	178	17		
13	BTXM ngã ba nhà Ông Gây đi nhà Ông Kéo	UBND xã Ba Lê	440m	xã Ba Lê	2024-2025	810	705	105	810	705	71	34	-	-	-	348	317	31		
14	Đập và kênh Nước Cóp	UBND xã Ba Lê	Đập dài 15m, kênh dài 300m	xã Ba Lê	2024-2025	1.231	1.070	161	1.231	1.070	107	54	-	-	-	529	481	48		
15	Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tô 1 Nước Lang (Đông Xa) - Tô 3 Kách Lang	UBND xã Ba Đình	1,5km	xã Ba Đình	2024-2025	2.657	2.310	347	2.657	2.310	231	116	-	-	-	1.142	1.039	103		
16	Nối tiếp BTXM đường GTNT tuyến từ Tô 3 - Tô 4 Kách Lang	UBND xã Ba Đình	1,4 km	xã Ba Đình	2024-2025	2.558	2.225	333	2.558	2.225	222	111	-	-	-	1.100	1.001	99		
17	Kiến cơ hoa kênh Ma Mang 1, 2 thôn Làng Máng	UBND xã Ba Đình	0,3km	xã Ba Đình	2023-2024	587	510	77	587	510	51	26	-	-	-	251	229	22		
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ba Lãng - Ta Noát	UBND xã Ba Ngạc	1,6km	xã Ba Ngạc	2024-2025	2.139	1.860	279	2.139	1.860	186	93	-	-	-	920	837	83		
19	Đường BTXM từ cầu treo - Làng Chai 2 (Làng Xi 2)	UBND xã Ba Tô	800m	xã Ba Tô	2024-2025	1.467	1.275	192	1.467	1.275	128	64	-	-	-	630	573	57		
20	Đường BTXM đi Làng Danh (Làng Ma)	UBND xã Ba Tô	L=650m;	xã Ba Tô	2024-2025	1.173	1.020	153	1.173	1.020	102	51	-	-	-	504	459	45		
21	Đường BTXM đi xóm Nước Đì (Làng Mạ)	UBND xã Ba Tô	L=800m;	xã Ba Tô	2024-2025	1.466	1.275	191	1.466	1.275	128	63	-	-	-	630	573	57		



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh		NS huyện	NSTW		NS tỉnh	NS huyện		
12	Trường Tiểu học Ba Đình, hạng mục: 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập	BQL DA&TXD&PTQ Đ	02 phòng học, 04 phòng hỗ trợ học tập (âm nhạc, mỹ thuật, khoa học công nghệ, thiết bị giáo dục)	xã Ba Đình	2022-2023	4.979	4.330	649	4.724	4.108	411	205	4.262	3.918	344	209	146	63	
13	Trường Tiểu học Ba Xa, hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Dân dụng cấp III; 06 phòng, 02 tầng (04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập: Ngoại ngữ, tin học)	xã Ba Xa	2022-2023	5.017	4.363	654	4.894	4.256	426	212	3.400	3.091	309	1.264	1.149	115	
14	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi Gò Lút	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Cầu BTCT	xã Ba Giang	2022-2024	10.350	9.000	1.350	10.350	9.000	900	450	8.266	7.515	751	1.146	1.041	105	
15	Đường QL 24 đi Gò Pa Nu	BQL DA&TXD&PTQ Đ	6,5km	xã Ba Tiêu	2022-2024	11.251	9.784	1.467	11.043	9.605	960	478	8.510	7.761	749	2.007	1.799	208	
16	Nối tiếp kênh Và Rò, thôn Nước Xuyên	UBND xã Ba Vi	0,9km	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vi	2022-2023	1.093	950	143	1.093	950	95	48	990	900	90	21	19	2	
III Công trình chuyển tiếp năm 2023 sang năm 2024						31.210	27.142	4.068	31.210	27.142	2.708	1.360	9.873	8.892	981	0	15.228	13.980	1.248
1	Nhà văn hóa thôn Hy Long	UBND xã Ba Điền	Nhà cấp III, đảm bảo >100 chỗ ngồi	xã Ba Điền	2023-2024	1.380	1.200	180	1.380	1.200	120	60	435	396	39	819	744	75	
2	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Rêu	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Giao thông cấp IV	xã Ba Điền	2023-2024	5.865	5.100	765	5.865	5.100	510	255	1.851	1.683	168	2.482	2.310	172	
3	Trường TH&THCS Ba Điền	BQL DA&TXD&PTQ Đ	05 phòng hỗ trợ học tập, nhà bảo vệ, hạng mục khác	xã Ba Điền	2023-2024	3.701	3.221	480	3.701	3.221	315	165	1.165	1.062	103	1.897	1.721	176	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL 24 đi Hồ Núi Ngang	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Giao thông nông thôn cấp A L=3750m	xã Ba Liên	2023-2024	6.900	6.000	900	6.900	6.000	600	300	2.207	1.917	290	3.278	3.069	209	
5	Đường BTXM từ Trường TH&THCS xã đến Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	UBND xã Ba Liên	GTNT loại B, 570m	xã Ba Liên	2023-2024	1.089	947	142	1.089	947	95	47	343	312	31	694	632	62	
6	Nối tiếp BTXM Gò Xuyên đi Nước Xuyên	UBND xã Ba Vi	247m	Ba Vi	2023-2024	454	395	59	454	395	39	20	142	130	12	216	195	21	
7	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi ngã 3 Nước Gia	BQL DA&TXD&PTQ Đ	Cầu BTCT	xã Ba Vinh	2023-2024	8.142	7.079	1.063	8.142	7.079	709	354	2.569	2.336	233	4.116	3.741	375	